TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 5 · Đề số 10

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Làm tròn số 24,425 đến số tự nhiên gần nhất ta được:

A. 24 **B.** 24,4 **C.** 26 **D.** 25

Câu 2. *(0,5 điểm)* Hỗn số 30 8/10 viết dưới dạng số thập phân là:

A. 30,08 **B.** 30,8 **C.** 31,8 **D.** 300,8

Câu 3. *(0,5 điểm)* Trong bốn số thập phân dưới đây, số lớn nhất là:

A. 18,9 **B.** 18,85 **C.** 18,949 **D.** 18,93

Câu 4. *(0,5 điểm)* Mẹ mua 3,2 kg táo, mỗi ki-lô-gam giá 55 000 đồng. Mẹ phải trả số tiền là:

A. 176 000 đồng **B.** 203 500 đồng

C. 165 000 đồng **D.** 1 760 000 đồng

Câu 5. *(0,5 điểm)* 57,37 : 0,1 = ……

A. 5,737 **B.** 573,7 **C.** 0,5737 **D.** 57 370

Câu 6. *(0,5 điểm)* Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài 200 m, chiều rộng 350 m. Diện tích khu đất là:

A. 700 ha **B.** 70 000 ha **C.** 70 ha **D.** 7 ha

Câu 7. *(0,5 điểm)* 2 m² 14 dm² = …… m²

A. 2,14 **B.** 3,4 **C.** 214 **D.** 2,014

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình thang có đáy lớn 15 cm, đáy bé 9 cm, chiều cao 5 cm. Diện tích hình thang là:

A. 29 cm² **B.** 120 cm² **C.** 337,5 cm² **D.** 60 cm²

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 35 đơn vị, 7 phần mười, 2 phần trăm, 7 phần nghìn viết là: ……

b) Phân số 7/20 viết dưới dạng số thập phân: ……

c) Hỗn số 2 88/100 viết dưới dạng số thập phân: ……

Câu 10. *(1 điểm)* Cho các số thập phân: 31,07; 31,3; 31,825; 31,8; 31,225.

a) Số bé nhất là: ……

b) Số lớn nhất là: ……

c) Khi xếp theo thứ tự từ bé đến lớn, số đứng thứ ba là: ……

d) Tổng của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Câu 11. *(1 điểm)* Tìm x:

a) $x + 27{,}72 = 29{,}62$; x = …….

b) $x \times 1{,}5 = 22{,}65$; x = …….

c) $66{,}4 - x = 61{,}09$; x = …….

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 4 m 2 cm = ……. m

b) 4 kg 31 g = ……. kg

c) 5 km^2 = ……. ha

d) 9100 m^2 = ……. ha

Câu 13. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm (lấy $\pi = 3{,}14$):

a) Chu vi hình tròn bán kính 15 cm: ……. cm

b) Diện tích hình tròn bán kính 15 cm: ……. cm^2

c) Chu vi hình tròn đường kính 32 dm: ……. dm

Câu 14. *(1 điểm)* Một tổ may cắt 7 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 4,9 m vải. Giá mỗi mét vải là 120 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: ……. m

b) Số tiền phải trả: ……. đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 5 · Đề số 10

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	B	C	A	B	D	A	D

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 35,727

b) 7/20 = 35/100 = 0,35

c) 2,88

Câu 10.

Xếp từ bé đến lớn: 31,07 < 31,225 < 31,3 < 31,8 < 31,825

a) 31,07

b) 31,825

c) 31,3

d) 31,825 + 31,07 = 62,895

Câu 11.

a) x = 29,62 − 27,72 = 1,9

b) x = 22,65 : 1,5 = 15,1

c) x = 66,4 − 61,09 = 5,31

Câu 12.

a) 4,02

b) 4,031

c) 500

d) 0,91

Câu 13.

a) 15 × 2 × 3,14 = 94,2

b) 15 × 15 × 3,14 = 706,5

c) 32 × 3,14 = 100,48

Câu 14.

Số vải: 4,9 × 7 = 34,3 (m)

Số tiền: 120 000 × 34,3 = 4 116 000 (đồng)